

Thực trạng hành vi gây hấn của học sinh khuyết tật trí tuệ ở tiểu học

Vũ Duy Chinh

Trưởng Cao đẳng Sư phạm Trung ương - Nha Trang
Đông Đệ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa,
Việt Nam
Email: chinhedu.gddb@gmail.com

TÓM TẮT: Bài viết phân tích thực trạng hành vi gây hấn của học sinh khuyết tật trí tuệ dựa trên những thống kê cụ thể về biểu hiện và tần suất, mức độ nghiêm trọng của hành vi gây hấn. Kết quả cho thấy, biểu hiện hành vi gây hấn rất đa dạng với 7 biểu hiện dưới dạng tấn công bằng thể chất, 6 biểu hiện dưới dạng tấn công bằng lời nói. Tần suất xuất hiện của các hành vi gây hấn diễn ra ở dạng hành vi gây hấn tấn công bằng thể chất nhiều hơn dạng tấn công bằng lời. Kết quả nghiên cứu làm cơ sở để xác định các phương pháp giáo dục giảm thiểu hành vi gây hấn cho học sinh khuyết tật trí tuệ cấp Tiểu học.

TỪ KHÓA: Gây hấn; hành vi gây hấn; học sinh khuyết tật trí tuệ.

→ Nhận bài 15/5/2020 → Nhận bài đã chỉnh sửa 15/6/2020 → Duyệt đăng 25/12/2020.

1. Đặt vấn đề

Gây hấn là một hiện tượng xã hội diễn ra ở khắp mọi nơi, mọi nền văn hóa và có ở tất cả mọi người. Đây cũng là một chủ đề được quan tâm nghiên cứu trong tâm lý học, giáo dục (GD) học và xã hội học. Gây hấn thể hiện như một xu hướng tính cách của con người. Hành vi gây hấn (HVGH) là một dạng hành vi xã hội đặc biệt, hậu quả của nó rất đa dạng và nhiều khi rất nghiêm trọng đối với tính mạng con người, đối với ổn định của cộng đồng và xã hội. Ở những người có biểu hiện HVGH, lời nói và hành động của họ luôn có ý tấn công, đây là một nét nhân cách của con người hay còn gọi là “tính hiếu chiến” [1; tr.124]. Theo quan điểm của Freud (1909), năng lượng gây hấn luôn có thiên hướng trào ra từ bên trong cơ thể, nhằm vào một đối tượng giao tiếp của chủ thể, lúc đó dường như con người cảm thấy nhẹ nhàng hơn. Theo quan điểm của tâm lý học xã hội như Berkowitz (1993), Anderson & Bushman (2002) cho rằng, ảnh hưởng của các yếu tố sinh học, xã hội đến HVGH của con người, trong đó chỉ ra hoạt động của vùng hưng phấn khiến cho hành vi của con người trở nên hung hãn [2; tr.3]. Nhìn chung, dù xuất phát từ yếu tố sinh học hay yếu tố xã hội thì ảnh hưởng tiêu cực của HVGH là khó lường trước, có thể để lại nhưng hậu quả xấu đối với trẻ nếu không được theo dõi, phát hiện và GD kịp thời. Đối với học sinh (HS) khuyết tật trí tuệ (KTTT) là những trẻ gặp nhiều khó khăn về hành vi, biểu hiện ra bên ngoài ở nhiều khía cạnh khác nhau không chỉ tác động đến thầy cô, bạn bè, những người xung quanh mà còn ảnh hưởng đến chính bản thân HS. HVGH ở HS KTTT có thể biểu hiện dưới dạng “tấn công bằng thể chất” và biểu hiện dưới dạng “tấn công bằng lời nói” [3; tr.82]. Đây là hai trong số những nhóm hành vi cần được quan tâm nghiên cứu bởi nếu không có sự can thiệp, điều chỉnh kịp thời có thể dẫn đến hình thành các HVGH mang tính hệ thống.

Vì vậy, yêu cầu đặt ra trong GD hành vi cho HS KTTT là phải đánh giá được thực trạng HVGH về mức độ và tần suất biểu hiện, xác định mức độ nghiêm trọng của HVGH, từ đó đề xuất biện pháp, hình thức GD phù hợp với mức độ khuyết tật của và đặc điểm tâm lý của HS KTTT nhằm giúp các em có thể điều chỉnh hành vi trong từng tình huống bối cảnh cụ thể là điều cần thiết.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm hành vi gây hấn

Từ những thập niên 60 của thế kỉ XX, các nhà tâm lý học đã tranh cãi gay gắt về bản chất của gây hấn nhưng cùng đồng thuận rằng gây hấn là một khái niệm khó nắm bắt một cách chính xác nhất. Dù có nhiều quan điểm khác nhau như: S. Freud và Konrad Lorenz đã xem gây hấn như là một bản năng bẩm sinh của con người hoặc J.B. Watson, Thorndike và T. Skinner với nghiên cứu hành vi bên ngoài mà bỏ qua việc khám phá những hiện tượng tâm lý bên trong như cảm xúc, ý thức... nhưng các nhà tâm lý học đều thống nhất một cách hiểu về khái niệm HVGH như là *cách cư xử có chủ ý, gây tổn thương cho người khác*. Nhờ đó, quá trình nghiên cứu phân tích và đưa ra các giải pháp được dễ dàng và cụ thể hơn, giảm thiểu các hậu quả tiêu cực do HVGH mang lại [4; tr.915].

Các lý thuyết hiện đại theo quan điểm của tâm lý học xã hội về gây hấn được Anderson & Bushman (2002); Berkowitz (1993)... chỉ ra “*mô hình gây hấn chung*” và muện hơn là “*thuyết học tập xã hội*” của A. Bandura (1997). Các thuyết này không tập trung vào một nhân tố riêng lẻ (bản năng, động lực, sự chống đối) như là nguyên nhân của gây hấn mà đi sâu phân tích việc tác động từ yếu tố bên ngoài đồng thời với việc quan sát, trải nghiệm trong tình huống và bối cảnh mà trẻ tiếp xúc dẫn đến việc hình thành HVGH [5; tr.219].

Trong tiếng Anh, thuật ngữ “Aggression” có thể hiểu là: Xâm kích, gây hấn, hung tính, gây sự, hành vi lấn át... hoặc có thể hiểu theo cách là những người có chung kiểu khí chất mạnh mẽ, sôi nổi, quyết đoán... còn việc có thuộc gây hấn hay không lại phụ thuộc vào cách thức và đối tượng mà chủ thể xuất tâm những năng lực hay phẩm chất của mình vào. Những người có xu hướng gây hấn thường do trạng thái tâm lý gây ra để có về “bóc đồng” [6; tr.18].

Theo Từ điển Y học (2003), “Gây hấn được hiểu là sự tấn công, sự xâm hại, hung bạo, hung hãn hay hung tính” [7; tr.82]. Theo Trần Thị Minh Đức (2013), “HVGH là những hành vi có chủ đích, có ý thức nhằm gây tổn hại hoặc gây thương tích cho người, vật cho dù mục đích có đạt được hay không” [8; tr.43].

Theo Hồ Thị Thúy Hằng, Trần Thu Hương (2017), cho rằng: “Hung tính là cách xử sự trong một hoàn cảnh cụ thể, được biểu hiện ra ngoài bằng lời nói, cử chỉ nhằm gây tổn thương cho người khác hoặc cho bản thân mình” [9; tr.395]. Dù có nhiều quan niệm khác nhau về gây hấn nhưng các nhà tâm lý học xã hội đều thống nhất: Gây hấn là hành vi có chủ ý, có ý thức nhằm gây tổn hại hoặc gây thương tích cho người hoặc vật, cho dù mục đích có đạt được hay không.

Trong nghiên cứu này cũng sử dụng khái niệm HVGH nêu trên, đồng thời đề cập đến HVGH là một nhóm hành vi thuộc “hành vi thích ứng” của HS KTTT dựa trên các tiêu chí của thang đo hành thích ứng ABS,S2 (Adaptive Behavior Scale - School, 2nd Edition) của 3 tác giả người Mỹ là Lambert, Nihira, Leland (1993) được Trần Lệ Thu thử nghiệm từ năm 2005 có độ tin cậy cao và phù hợp với đặc điểm văn hóa Việt Nam. Xác định rõ các loại HVGH nói riêng, hành vi thích ứng của HS KTTT nói chung, kết hợp với các biện pháp GD phù hợp sẽ là điều kiện tiên quyết để học HS KTTT có thể hòa nhập được với xã hội.

2.2. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Khách thể nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, chúng tôi nghiên cứu đặc điểm HVGH của 30 HS KTTT có độ tuổi từ 8 đến 15 tuổi, chia thành 2 nhóm (từ 8-11 tuổi và 12-15 tuổi), được biên chế trong từ lớp 1 đến lớp 5 tại một số trường/trung tâm GD trẻ khuyết tật của tỉnh Khánh Hòa, thành phố Đà Lạt

tỉnh Lâm Đồng, thành phố Buôn Ma Thuật tỉnh Đắk Lắk. Thời gian nghiên cứu tháng 3 năm 2019.

2.2.2. Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp nghiên cứu lý luận:* Tổng hợp một số nghiên cứu trong và ngoài nước về HVGH làm sáng tỏ hơn khái niệm HVGH, nguyên nhân, ảnh hưởng của HVGH đến bản thân HS KTT, gia đình, nhà trường và xã hội.

- *Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi:* Sử dụng phiếu trưng cầu ý kiến của phụ huynh HS KTT về các HVGH khi HS tham gia sinh hoạt tại gia đình, làm rõ thêm những biểu hiện HVGH diễn ra ở môi trường GD khác nhau.

- *Phương pháp phỏng vấn:* Phỏng vấn GV trực tiếp tham gia công tác GD và dạy học HS KTTT. Sử dụng phiếu phỏng vấn gồm 7 câu hỏi, nội dung chủ yếu về biểu hiện, tần suất, mức độ nghiêm trọng do HVGH gây ra, những khó khăn trong việc GD HVGH cho HS KTTT.

- *Phương pháp quan sát:* Sử dụng bảng quan sát CCB (checklist of challenging behaviour) đã được Việt hóa và sử dụng rộng rãi trong việc quan sát hành vi của HS KTTT [10; tr.125-127]. Mục đích để thu thập được những biểu hiện, tần suất cũng như nguyên nhân dẫn đến HVGH của HS KTTT thông qua dự giờ một số hoạt động dạy học của GV và một số hoạt động ngoài giờ học của HS.

- *Phương pháp thống kê:* Sử dụng phần mềm SPSS 22.0, thống kê, xử lý số liệu làm cơ sở để phân tích về thực trạng HVGH của HS KTTT.

2.3. Thực trạng hành vi gây hấn của học sinh khuyết tật trí tuệ

2.3.1. Biểu hiện hành vi gây hấn của học sinh khuyết tật trí tuệ

Để tìm hiểu về biểu hiện HVGH của HS KTTT, chúng tôi đã tiến hành quan sát HS trong các giờ học, giờ ra chơi và sinh hoạt chung, phỏng vấn GV ở các lớp HS có biểu hiện HVGH kết hợp với phiếu trưng cầu ý kiến của phụ huynh. Tổng hợp các phương pháp nêu trên cho thấy, hành vi gây hấn của các em được thể hiện qua hai loại, đó là “HVGH dưới dạng thể chất” và “HVGH dưới dạng tấn công bằng lời”. Biểu hiện cụ thể được thể hiện ở Bảng 1.

Qua Bảng 1, phần “Biểu hiện của HVGH dưới dạng thể chất” cho thấy:

Bảng 1: Biểu hiện HVGH của HS KTTT (n=30)

STT	Biểu hiện	SL	TL (%)	ĐTB	ĐLC
1. HVGH dưới dạng thể chất					
1.1	Đánh bạn (đá/đấm vào bạn học)	27	90,0	2,76	0,82
1.2	Khiêu khích/gây gổ đánh nhau	25	83,3	2,54	0,76
1.3	Khạc nhổ	4	13,3	1,86	0,35
1.4	Cắn	6	20,0	1,93	0,42

STT	Biểu hiện	SL	TL (%)	ĐTB	ĐLC
1.5	Chộp/giữ đồ của người khác	23	76,7	2,35	0,62
1.6	Ném	15	50,0	2,10	0,51
1.7	Đập/đánh vào đồ vật	7	23,3	2,05	0,48
2. HVGH dưới dạng tấn công bằng lời					
2.1	Quát tháo, mắng chửi, to tiếng với bạn	26	86,7	2,60	0,81
2.2	Cãi hờn với người lớn	5	16,7	1,90	0,40
2.3	Hành vi nói giọng ông chủ	24	80,0	2,39	0,65
2.4	Trêu chọc người khác	18	60,0	2,15	0,59
2.5	Nói ba hoa, phóng đại sự thật	5	16,7	1,90	0,40
2.6	Châm biếm, chế nhạo người khác	15	50,0	2,10	0,51

(*SL: Số lượng; TL: Tỷ lệ %; ĐTB: Điểm trung bình; ĐLC: Độ lệch chuẩn)

- Hành vi “đánh bạn” và “khiêu khích, gây gổ đánh nhau” là những biểu hiện diễn ra nhiều nhất ở HS KTTT, từ 25- 27 HS có biểu hiện về loại hành vi này với ĐTB 2,54 -2,75 và ĐLC lần lượt là 0,76-0,82 trong tổng số HS được nghiên cứu.

- Các hành vi “chộp/giữ đồ của người khác”; “ném”; “đập/đánh vào đồ vật” có ĐTB giao động từ 2,05-2,35 và ĐLC tương ứng là 0,48-0,62 đây cũng là loại HVGH có biểu hiện trải đều ở số HS KTTT được nghiên cứu.

- Hành vi có biểu hiện ít ở nhóm HS KTTT là “Khạc nhổ” và “Cẩn” với ĐTB và ĐLC thấp nhất (1,86-0,35). Có thể thấy, HVGH dưới dạng thể chất của HS KTTT tại các lớp nghiên cứu được biểu hiện khá đa dạng trong đó có những hành vi được biểu hiện trên nhiều HS.

- Với “HVGH dưới dạng tấn công bằng lời”: Hành vi này chỉ gặp ở HS đã có khả năng diễn đạt ngôn ngữ lời nói. Biểu hiện thường thấy là “hành vi quát tháo, chửi mắng” có ĐTB cao nhất 2,60 và “Hành vi nói giọng

ông chủ” 2,39. ĐCL tương ứng cũng đạt độ tin cậy cao là 0,81 và 0,65. Trên Bảng 1 cũng cho thấy, các biểu hiện như “Trêu chọc người khác” (18 HS, ĐTB 2,15 hay “Châm biếm, chế nhạo người khác” (15 HS, ĐTB 2,10) số HS có biểu hiện tương đối cao. Hành vi có biểu hiện thấp nhất là “nói ba hoa, phóng đại sự thật” và “Cãi hờn với người lớn”

2.3.2. Tần suất xuất hiện hành vi gây hấn của học sinh khuyết tật trí tuệ

Qua quan sát HS KTTT và phỏng vấn GV về “Biểu hiện và tần suất xuất hiện HVGH tại lớp GV phụ trách” đã giúp chúng tôi tìm hiểu, phân tích về tần suất xuất hiện những biểu hiện của từng loại hành vi. Kết quả được thể hiện bên dưới. Về tần suất HVGH dưới dạng thể chất (xem Bảng 2):

Kết quả từ Bảng 2 cho thấy:

- Đánh bạn là hành vi có biểu hiện xảy ra nhiều nhất,

Bảng 2: Tần suất xuất hiện HVGH dưới dạng thể chất của HS KTTT (n=30)

STT	Biểu hiện	Tần suất xuất hiện HVGH			ĐTB	ĐLC
		1	2	3		
		Số lượng (%)	Số lượng (%)	Số lượng (%)		
1	Đánh bạn (đá/đấm vào bạn học)	3	2	26	2,68	0,85
		10,0	6,7	86,7		
2	Khiêu khích/gây gổ đánh nhau	5	3	14	2,26	0,61
		16,7	10,0	46,7		
3	Khạc nhổ	27	2	0	2,05	0,48
		90,0	6,7	0,0		
4	Cẩn	27	0	6	2,03	0,46
		90,0	0,0	20,0		
5	Chộp/giữ đồ của người khác	4	3	9	2,14	0,58
		13,3	10,0	30,0		

STT	Biểu hiện	Tần suất xuất hiện HVGH			ĐTB	ĐLC
		1	2	3		
		Số lượng (%)	Số lượng (%)	Số lượng (%)		
6	Ném	6	2	5	2,00	0,43
		20,0	6,7	16,7		
7	Đập/đánh vào đồ vật	9	1	2	2,12	0,51
		30,0	3,3	6,7		

(*Mức độ: 1 - Chưa bao giờ; 2 - Thỉnh thoảng; 3 - Thường xuyên)

cụ thể có 26 HS thường xuyên có biểu hiện (chiếm 86 %, ĐTB xếp ở mức cao nhất 2,68), tiếp đến là “hành vi khiêu khích/gây gỗ đánh nhau” cũng có tần suất diễn ra thường xuyên (chiếm 46,7%, ĐTB là 2,26). Qua quan sát, trao đổi với GV lớp HS có biểu hiện HVGH cho thấy, hầu như các em có hành vi đánh để thể hiện bản thân, hay đơn giản là thích gây gỗ, bắt nạt các bạn khác và cũng có khi là đáp trả khi bạn khác chọc hoặc đánh mình.

- HVGH có tần suất xuất hiện nhiều thứ ba là “chộp/giữ đồ của người khác” biểu hiện của HVGH này đạt ĐTB là 2,14. Đây là biểu hiện xảy ra khá thường xuyên, các em thích giật, giữ lấy đồ của các bạn vì tò mò hay thích thú và không muốn trả lại. Các trường hợp này cần phải có sự can thiệp của GV thì HS mới chịu trả lại đồ cho bạn.

- Ném là một trong những HVGH có ĐTB thấp nhất 2,00. Điều này cũng phản ánh đây là HVGH có tần suất biểu hiện thấp. Một số biểu hiện ném của HS như ném

bút, vở, hay ném đất, cát, đá vào người bạn. Biểu hiện này xảy ra nhiều nhất vào giờ ra chơi. Các em dùng cát, đất đá ném vào nhau hay ném vào bạn khác. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến biểu hiện HVGH bên trên như đánh nhau bạn hoặc khiêu khích/gây gỗ.

Về tần suất HVGH dưới dạng tấn công bằng lời (xem Bảng 3):

Số liệu từ Bảng 3 cho thấy:

- Biểu hiện hành vi “Trêu chọc người khác” với tần suất thường xuyên xuất hiện cao nhất (15 HS, ĐTB 2,67 và ĐLC là 0,86). Ở biểu hiện này, HS thường dùng lời nói để trêu chọc các bạn, như: “đồ lùn”, “xấu xí”,... làm cho bạn bị trêu chọc cảm thấy khó chịu hay tổn thương. Đây là biểu hiện thường xuyên xảy ra. Ngoài 30 HS đã và đang tìm hiểu thì một số HS khác cũng có biểu hiện của hành vi này, đặc biệt là HS ở khối lớp lớn, khả năng ngôn ngữ nói tương đối tốt. GV cần quan sát HS để nhắc nhở, GD các em kịp thời. Vì tùy vào lời trêu chọc của HS có thể gây xích mích, dẫn đến những HVGH khác.

Bảng 3: Tần suất xuất hiện HVGH dưới dạng tấn công bằng lời của HS KTTT (n=30)

STT	Biểu hiện	Tần suất xuất hiện HVGH			ĐTB	ĐLC
		1	2	3		
		Số lượng (%)	Số lượng (%)	Số lượng (%)		
1	Quát tháo, mắng chửi, to tiếng	17	8	13	2,54	0,69
		56,7	26,7	43,3		
2	Cãi hỗn với người lớn	2	2	6	2,13	0,56
		6,7	6,7	20,0		
3	Hành vi “nói giọng ông chủ”	9	10	6	2,13	0,56
		30,0	33,3	20,0		
4	Trêu chọc người khác	15	1	15	2,67	0,86
		50,0	3,3	50,0		
5	Nói ba hoa, phóng đại sự thật	4	0	10	2,04	0,45
		13,3	0,0	33,3		
6	Châm biếm, chế nhạo người khác	6	4	8	2,00	0,39
		20,0	13,3	26,7		

(*Mức độ: 1- Chưa bao giờ; 2- Thỉnh thoảng; 3- Thường xuyên)

- Biểu hiện hành vi “Quát tháo, mắng chửi, to tiếng với bạn”, có tần suất diễn ra thường xuyên ở 13 HS, cao thứ hai về tần suất xuất hiện (ĐTB 2,54 và ĐLC là 0,69). Có thể nói, đây là biểu hiện cần được GV can thiệp kịp thời vì thường xuyên diễn ra và gây ảnh hưởng đến tâm lý của HS khác. Biểu hiện này thể hiện ở chỗ: HS hay to tiếng, mắng chửi bạn như “Mày ngu”, “Cút”,... làm cho bạn cảm thấy tổn thương hay dẫn đến hai bên mắng chửi, to tiếng với nhau.

- Hành vi “nói giọng ông chủ” và hành vi “cãi hỗn với người lớn có điểm TB nhóm thứ ba (ĐTB đều là 2,13 và ĐLC là 0,56. Các em có biểu hiện hành vi “nói giọng ông chủ” thường thích ra lệnh cho những bạn khác phải làm theo ý mình, phục tùng mệnh lệnh của mình. Điều này gây ảnh hưởng đến tình cảm của HS với các bạn trong, ngoài lớp, làm cho các bạn có tâm lý sợ sệt khi tiếp xúc với HS này.

- Hành vi có ĐTB thấp nhất là “châm biếm, chế nhạo người khác” chỉ đạt ĐTB là 2,00. Các em có biểu hiện này thường có ngôn ngữ tốt, luôn nhìn việc bạn khác đang làm để tìm ra lỗi rồi chế nhạo hay vô cớ châm biếm bạn khác.

2.3.3. Mức độ nghiêm trọng về hành vi gây hấn của học sinh khuyết tật trí tuệ

Để xác định mức độ, thứ tự ưu tiên của HVGH đến các mặt GD ở trường, chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn 16 GV về mức độ nghiêm trọng của các loại HVGH trên HS KTTT theo thứ tự tăng dần: *Không nghiêm trọng, ít nghiêm trọng và nghiêm trọng*. Kết quả như sau:

- Hành vi được đa số GV đánh giá ở mức độ nghiêm trọng đó là: “Đánh bạn (đá/đấm vào bạn học)” 100% GV đồng ý; “khiêu khích/gây gỗ đánh nhau và “khạc nhổ” với 93% GV đồng ý ĐTB tương ứng đạt mức cao nhất 3,00, 2,91, 2,91. Đây là ba hành vi mà số lượng HS có biểu hiện cao nhất và tần suất xuất hiện thường xuyên nhất. Điều đó, GV đã nhận thức rất tốt việc thường xuyên theo dõi và có biện pháp can thiệp kịp thời là điều rất quan trọng góp phần quản lý tốt HVGH của HS KTTT.

- Hành vi “chộp/giữ đồ của người khác” và hành vi “cắn” đều chiếm tỉ lệ 74,8%. Theo quan sát của chúng tôi, vì là thường chộp lấy đồ của bạn khác rồi bỏ chạy mà không xin phép, dẫn đến với những HS tính tình nóng nảy hay có HVGH thì điều này dễ dẫn đến hành vi đánh hay đánh nhau để lấy lại đồ của mình, nhiều HS chỉ khóc sau đó mới báo cáo lại với cô giáo.

Hành vi đá, ném, đa số GV đánh giá là không nghiêm trọng vì hầu như HS chỉ diễn ra nhiều ở ngoài giờ học, còn trong giờ nếu có thì sẽ được GV xử lý kịp thời nên được cho là không phải hành vi đáng ngại. Cụ thể như sau:

- Hành vi “quát tháo, mắng chửi, to tiếng với bạn” đa số GV đánh giá là nghiêm trọng 16 GV, có ĐTB cao nhất là 3,0. Hành vi “cãi hỗn với người lớn” “nói giọng ông

chủ” được GV đánh giá nhiều ở mức độ nghiêm trọng ĐTB và ĐLC lần lượt là: 2,91-0,93. Có thể thấy, đây là những hành vi có thể ảnh hưởng đến nhân cách của chính HS và những bạn cùng lớp. Mặc dù những hành vi này được GD trong giờ học nhưng khi tham gia các giờ chơi HS vẫn có biểu hiện trên.

- Những hành vi khác “trêu chọc bạn”, “nói ba hoa” được GV đánh giá ở mức ít nghiêm trọng với ĐTB là 2,35 và 2,67. Đây là những hành vi thường xuyên xảy ra ở một số HS khối lớn. Các em thường trêu bạn hoặc tự mình nói về một số chuyện phóng đại của bản thân... Nhìn vào thì những hành vi này không ảnh hưởng nhiều đến HS khác, tuy nhiên, nhiều HS không nghe theo dẫn đến việc HS đó sẽ có biểu hiện đe dọa hay đánh bạn để bạn làm theo ý mình. Theo quan sát của chúng tôi, tuy ít HS có biểu hiện này nhưng vẫn gây ảnh hưởng đến HS khác. Có thể thấy, một số GV cho rằng, HVGH bằng lời thì không ảnh hưởng nhiều đến HS nên hầu như các biểu hiện đều được GV đánh giá là ít nghiêm trọng. Tuy nhiên, đây là những HVGH bằng lời, nếu không xử lý tốt có thể dẫn đến HVGH dưới dạng thể chất. Vì vậy, những hành vi này cần được GV quan tâm, nhắc nhở HS, đưa ra những biện pháp phù hợp để giảm thiểu kịp thời, tránh dẫn đến hành vi tấn công thể chất, gây ảnh hưởng đến HS khác.

Như vậy, có thể thấy, nhận thức của GV về mức độ nghiêm trọng về HVGH của HS KTTT tương đối khác nhau. Nhìn chung, đa số GV đánh giá ở mức nghiêm trọng và ít nghiêm trọng nghĩa là xác định được tầm ảnh hưởng và hậu quả mang lại từ những HVGH của HSKTTT. Thông quan việc đánh giá này, các GV cần quan tâm hơn đến việc đưa HVGH vào mục tiêu và nội dung GD, ưu tiên lựa chọn những HVGH có mức độ nghiêm trọng đến ít nghiêm trọng để GD giảm thiểu kịp thời cho HS.

2.3.4. Một số biện pháp giáo dục giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh khuyết tật trí tuệ

Từ kết quả nghiên cứu nêu trên, chúng tôi đề xuất một số biện pháp tác động với mong muốn giảm thiểu HVGH cho HS KTTT, góp phần nâng cao mức độ thích ứng về hành vi của HS KTTT như sau:

- Đánh giá tổng thể về mức độ HVGH ở các môi trường khác nhau như ở trường học, tại gia đình, phân loại được các nhóm HVGH của HS KTTT. Đây là điều kiện tiên quyết để xây dựng mục tiêu và lập kế hoạch GD giảm thiểu HVGH cho HS.

- Xây dựng mục tiêu, nội dung GD giảm thiểu HVGH phù hợp với đặc điểm phát triển của HS KTTT, phù hợp với mức độ KTTT và những hạn chế do HVGH gây ra.

- Vận dụng đa dạng và có hiệu quả các phương pháp GD giảm thiểu HVGH cho HS KTTT bao gồm các phương pháp GD chung như: Phương pháp làm mẫu, luyện tập, phương pháp nêu gương, sử dụng tình huống

thực của HS...

- Sử dụng các phương pháp GD đặc thù đối với HS KTTT như: Phương pháp xâu chuỗi, phương pháp phân tích nhiệm vụ, phương pháp thưởng quy đổi, phương pháp trách phạt...

- Tăng cường phối kết hợp giữa gia đình, nhà trường trong việc cùng tập trung vào việc GD giảm thiểu HVGH chính là yếu tố quan trọng để HS KTTT có nhiều niềm tin vào sự cố gắng nỗ lực của bản thân.

3. Kết luận

- HVGH của HSKTT biểu hiện rất đa dạng với 7 biểu hiện dưới dạng tấn công bằng thể chất, 6 biểu hiện dưới

dạng tấn công bằng lời nói. Tần suất xuất hiện của các HVGH diễn ra ở dạng HVGH tấn công bằng thể chất nhiều hơn dạng tấn công bằng lời.

- GV trực tiếp tham gia GD HS KTTT đã xác định được mức độ quan trọng và ảnh hưởng của HVGH đến bản thân HS và lớp học. Trong đó có những HVGH khó biểu hiện trong giờ học đã được phát hiện từ đó có những can thiệp kịp thời để giúp HS KTTT điều chỉnh phù hợp.

- Nghiên cứu thực trạng HVGH của HS KTTT là một phần quan trọng làm cơ sở xây dựng mục tiêu, nội dung, phương pháp GD để giảm thiểu HVGH của HS KTTT ở tiểu học.

Tài liệu tham khảo

[1] McHale, B. G., Obrzut, J. E., & Sabers, D. L, (2003), *Relationship of Cognitive Functioning and Aggressive Behavior with Emotionally Disabled and Specific Learning Disabled Students*, Journal of Developmental and Physical Disabilities, 15(2), 123–140. doi:10.1023/a:1022823316505

[2] Harris, P., Humphreys, J., & Thomson, G., (2010), *A checklist of challenging behaviour: the development of a survey instrument*, Research in Intellectual Disabilities, 22(1), 1–9. doi:10.1111/j.1468-3148.2008.00428.x

[3] Trần Thị Minh Thành - Nguyễn Nữ Tâm An, (2014), *Giáo trình quản lý hành vi của trẻ khuyết tật trí tuệ*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

[4] Chris Oliver - Jane Petty - Loraine Ruddick, (2012), *The Association Between Repetitive, Self-Injurious and Aggressive Behavior in Children With Severe Intellectual Disability*, J Autism Dev Disord 42:910-919, DOI 10.1007/s10803-011-1320-z

[5] Cooper, S.-A., Smiley, E., Jackson, A., Finlayson, J., Allan, L., Mantry, D., & Morrison, J., (2009), *Adults with intellectual disabilities: prevalence, incidence and remission of aggressive behaviour and related factors*, Journal of Intellectual Disability Research, 53(3), 217–232. doi:10.1111/j.1365-2788.2008.01127.

[6] Tạ Thị Huệ, (9/2018), *Thực trạng biểu hiện hành vi gây hấn của trẻ mẫu giáo lớn trong các trường mầm non ở thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định*, Tạp chí Giáo dục, Số 437, Kì 1, tr. 18-22.

[7] Nguyễn Văn Siêm, (2003), *Từ điển Y học (Anh - Pháp - Việt), Tâm thần học và Tâm lý học*, NXB Từ điển Bách khoa.

[8] Trần Thị Minh Đức, (2013), *Hành vi gây hấn - Phân tích từ góc độ tâm lý học xã hội*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[9] Hồ Thị Thúy Hằng - Trần Thu Hương, (2017), *Hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng*, Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế Tâm lý học Đông Nam Á lần thứ nhất - Hạnh phúc con người và phát triển bền vững, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 395-402.

[10] McHale, B. G., Obrzut, J. E., & Sabers, D. L.,(2003), *Relationship of Cognitive Functioning and Aggressive Behavior with Emotionally Disabled and Specific Learning Disabled Students*, Journal of Developmental and Physical Disabilities, 15(2), 123–140, doi:10.1023/a:1022823316505.

THE CURRENT STATUS OF AGGRESSIVE BEHAVIOR OF STUDENTS WITH INTELLECTUAL DISABILITY AT PRIMARY SCHOOL LEVEL

Vu Duy Chinh

Nha Trang National College of Pedagogy
 Dong De, Nha Trang city,
 Khanh Hoa province, Vietnam
 Email: chinhedu.gddb@gmail.com

ABSTRACT: *This article analyzes the current status of aggressive behavior of students with intellectual disabilities based on specific statistics about the frequency and severity of the aggressive behavior. The results show that the students’ aggressive behavior is very diverse with seven manifestations of physical attacks and six manifestations of verbal attack. The frequency of appearance of the students’ aggressive behavior takes place in the form of physical attacks more than verbal attacks. The results of the study serve as a basis for identifying educational methods to minimize aggressive behavior for students with intellectual disabilities at primary school level.*

KEYWORDS: Aggression; aggressive behavior; students with intellectual disability.